



## HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO GIÁ

Tên gói dịch vụ: Tư vấn triển khai áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) tại Tổng công ty HKVN giai đoạn T1/2026 – T12/2026

Bên mời chào giá: Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP

*Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2025*

**TUQ.TÔNG GIÁM ĐỐC** *Phó*  
**TRƯỞNG BAN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN**

**Trần Văn Hữu**

**MỤC LỤC**

| <b>Nội dung</b>                                                             | <b>Trang</b> |
|-----------------------------------------------------------------------------|--------------|
| <b>CÁC TỪ NGỮ VIẾT TẮT</b>                                                  | <b>3</b>     |
| <b>THƯ MỜI THAM GIA CHÀO GIÁ</b>                                            | <b>4</b>     |
| <b>PHẦN I – GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP (BÊN MỜI CHÀO GIÁ)</b>               | <b>5</b>     |
| <b>1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ DOANH NGHIỆP</b>                               | <b>5</b>     |
| <b>2. HÌNH THỨC SỞ HỮU CỦA DOANH NGHIỆP</b>                                 | <b>5</b>     |
| <b>3. CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP</b>                                             | <b>5</b>     |
| 3.1. Danh sách các đơn vị phụ thuộc tại Việt Nam                            | 6            |
| 3.2. Danh sách các đơn vị phụ thuộc tại nước ngoài                          | 6            |
| 3.3. Danh sách các công ty con (TCTHK nắm giữ từ 51% trở lên)               | 6            |
| 3.4. Danh sách các công ty liên kết và đầu tư khác (TCTHK nắm giữ dưới 51%) | 7            |
| <b>4. TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN CỦA DOANH NGHIỆP</b>                           | <b>7</b>     |
| <b>PHẦN II – NỘI DUNG CỦA HỒ SƠ YÊU CẦU</b>                                 | <b>8</b>     |
| <b>1. YÊU CẦU VỀ SPDV</b>                                                   | <b>8</b>     |
| <b>2. YÊU CẦU VỀ TƯ CÁCH CỦA NCC</b>                                        | <b>9</b>     |
| <b>3. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NCC</b>                                               | <b>9</b>     |
| 3.1. Thành phần của bộ HSDX                                                 | 9            |
| 3.2. Yêu cầu chào giá                                                       | 9            |
| 3.3. Làm rõ HSYC                                                            | 10           |
| 3.4. Nộp HSDX                                                               | 10           |
| 3.5. Làm rõ HSDX                                                            | 11           |
| 3.6. Đánh giá HSDX                                                          | 11           |
| 3.7. Đàm phán với NCC                                                       | 11           |
| 3.8. Điều kiện NCC được lựa chọn                                            | 11           |
| 3.9. Thông báo kết quả LCNCC                                                | 12           |
| 3.10. Bảo mật thông tin                                                     | 12           |
| <b>4. CÁC BƯỚC ĐÁNH GIÁ HSDX</b>                                            | <b>12</b>    |
| 4.1. Đánh giá tư cách NCC, tính hợp lệ của HSDX                             | 12           |
| 4.2. Đánh giá năng lực, kinh nghiệm                                         | 13           |
| 4.3. Đánh giá về mặt kỹ thuật                                               | 13           |
| 4.4. Đánh giá tài chính                                                     | 15           |
| 4.5. Xếp hạng NCC                                                           | 15           |
| 4.6. Đàm phán với NCC và xếp hạng lại                                       | 16           |
| <b>CÁC MẪU BIỂU</b>                                                         |              |
| Mẫu số 1: Đơn chào giá                                                      | 17           |
| Mẫu số 2: Giấy ủy quyền                                                     | 18           |
| Mẫu số 3: Văn bản cam kết của NCC                                           | 19           |
| Mẫu số 4: Bản kê khai năng lực tài chính của NCC                            | 20           |
| Mẫu số 5: Báo cáo hợp đồng tương tự do NCC thực hiện                        | 21           |
| Mẫu số 6: Danh sách nhân sự                                                 | 22           |
| Mẫu số 7: Lý lịch nhân sự                                                   | 23           |

## CÁC TỪ NGỮ VIẾT TẮT

|                 |                                         |
|-----------------|-----------------------------------------|
| HSĐX            | Hồ sơ đề xuất                           |
| HSYC            | Hồ sơ yêu cầu                           |
| NCC             | Nhà cung cấp                            |
| TCTHK/ TCT/ VNA | Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP |
| HĐ/ PLHĐ        | Hợp đồng/ Phụ lục hợp đồng              |
| DV              | Dịch vụ                                 |
| Ngày            | Ngày dương lịch theo lịch               |
| HHDV            | Hàng hóa dịch vụ                        |
| SPDV            | Sản phẩm dịch vụ                        |
| LCNCC           | Lựa chọn nhà cung cấp                   |
| BCTC            | Báo cáo tài chính                       |
| IFRS            | Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế     |
| ĐVPT            | Đơn vị phụ thuộc                        |
| GCNĐKDN         | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp    |
| GCNĐKKD         | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh      |
| VND             | Đồng Việt Nam                           |

**TỔNG CÔNG TY  
HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2025

**THƯ MỜI THAM GIA CHÀO GIÁ**

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP (TCTHK) xin gửi lời chào trân trọng tới Quý Công ty !

Chúng tôi kính mời Quý Công ty tham gia chào giá cho Gói dịch vụ “**Tư vấn triển khai áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) tại Tổng công ty HKVN giai đoạn T1/2026 – T12/2026**”.

Các yêu cầu chi tiết về dịch vụ được nêu tại Hồ sơ yêu cầu (HSYC) kèm theo. Thời gian phát hành HSYC: từ 11 h ngày 17 tháng 12 năm 2025 đến 11 h ngày 30 tháng 12 năm 2025.

Kính đề nghị Quý Công ty gửi Hồ sơ đề xuất (HSDX) **bản gốc** theo 01 trong 02 hình thức sau:

1. **Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện** tới địa chỉ:

- Tổng công ty Hàng không Việt Nam
- Địa chỉ: Tầng 5 Tòa nhà VN1, Số 200 phố Nguyễn Sơn, quận Long Biên, Hà Nội.
- Người liên hệ: Bà Nguyễn Thu Hương, chuyên viên Ban Tài chính Kế toán.
- Điện thoại: 024 38732732, máy lẻ: 2406; Di động: 0982434841.
- Email: [huongnthu@vietnamairlines.com](mailto:huongnthu@vietnamairlines.com)

2. **Nộp qua thư điện tử:**

- Hình thức nhận: NCC gửi thư điện tử đính kèm bản scan từ bản gốc HSDX tới địa chỉ email: [huongnthu@vietnamairlines.com](mailto:huongnthu@vietnamairlines.com) với Subject/Tiêu đề “**Công ty ... nộp HSDX gói DV “Dịch vụ tư vấn triển khai áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) tại TCTHKVN giai đoạn T1/2026 – T12/2026.**”.
- Dung lượng tài liệu đính kèm thư điện tử yêu cầu < 20MB/01 email.

**Thời hạn nộp HSDX: trước 11 h ngày 30 tháng 12 năm 2025.**

Trân trọng cảm ơn !

**TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC  
TRƯỞNG BAN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN**

**Trần Văn Hữu**

## PHẦN I - GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP (BÊN MỜI CHÀO GIÁ)

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ DOANH NGHIỆP

- Tên doanh nghiệp: **Tổng công ty Hàng không Việt Nam – CTCP**
- Tên giao dịch: Tổng công ty Hàng không Việt Nam
- Tên viết tắt: TCTHK hoặc VNA
- Tên tiếng Anh: Vietnam Airlines JSC
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 200 phố Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội.
- Điện thoại: (+84.24) 38 723 723 Fax: (+84.24) 38 722 375
- Website: [www.vietnamairlines.com](http://www.vietnamairlines.com)
- GCN ĐKDN: mã số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/6/2010 và đăng ký thay đổi lần 9 ngày 12/01/2022.
- Vốn điều lệ: 31.114.982.110.000 VND (đến thời điểm 30/09/2025)
- Ngành nghề kinh doanh: vận tải hành khách hàng không, vận tải hàng hóa hàng không; các hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không và hoạt động khác do Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp phép và theo Điều lệ của TCTHK.

### 2. HÌNH THỨC SỞ HỮU CỦA DOANH NGHIỆP

Tổng công ty Hàng không Việt Nam (TCTHK) tiền thân là tổng công ty nhà nước được thành lập theo Quyết định số 328/TTg ngày 27/5/1995 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại các doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp của ngành hàng không dân dụng, lấy Hãng Hàng không Quốc gia Việt Nam làm nòng cốt. Ngày 23/6/2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 952/QĐ-TTg chuyển Công ty mẹ - TCTHK thành Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu. Kể từ ngày 01/4/2015, Công ty mẹ - TCTHK được chuyển đổi thành công ty cổ phần với tên gọi là Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP.

Tính đến 30/09/2025, tổng vốn cổ phần của TCTHK là 31.114.982.110.000 VND, với cơ cấu sở hữu như sau:

| STT | Tên cổ đông                                                     | Vốn góp (VND)             | Tỷ lệ vốn góp |
|-----|-----------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------|
| 1   | Cổ đông Nhà nước                                                | 26.888.954.140.000        | 86,42%        |
| 2   | Tập đoàn Hàng không Nhật Bản là ANA Holding Incorporation (ANA) | 1.750.145.300.000         | 5,62%         |
| 3   | Cổ đông khác                                                    | 2.475.882.670.000         | 7,96%         |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                                | <b>31.114.982.110.000</b> | <b>100%</b>   |

### 3. CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

TCTHK hiện đang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con (VNA Group). Tính đến 30/09/2025, danh sách các ĐVPT, công ty con và công ty liên kết của TCTHK bao gồm:

#### 3.1. Danh sách các ĐVPT tại Việt Nam

| STT | Tên ĐVPT tại Việt Nam           |
|-----|---------------------------------|
| 1   | Văn phòng Tổng công ty (VP TCT) |

| STT | Tên ĐVPT tại Việt Nam                                           |
|-----|-----------------------------------------------------------------|
| 2   | Đoàn bay 919 (ĐB919)                                            |
| 3   | Đoàn tiếp viên (ĐTV)                                            |
| 4   | Tạp chí Heritage (HRT)                                          |
| 5   | Chi nhánh TCTHK – Trung tâm Dịch vụ và Khai thác sân bay (ASOC) |
| 6   | Chi nhánh TCTHK – Công ty Bay dịch vụ hàng không (VASCO)        |
| 7   | Chi nhánh TCTHK – Trung tâm Huấn luyện bay (TTHL)               |
| 8   | Chi nhánh TCTHK – Trung tâm Bông sen vàng (TTBSV)               |
| 9   | Chi nhánh TCTHK – Chi nhánh khu vực Việt Nam (CNVN)             |

### 3.2. Danh sách các ĐVPT tại nước ngoài

| STT | Tên ĐVPT tại nước ngoài                                                                       |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Chi nhánh TCTHK tại Lào                                                                       |
| 2   | Chi nhánh TCTHK tại Campuchia                                                                 |
| 3   | Chi nhánh TCTHK tại Thái Lan                                                                  |
| 4   | Chi nhánh TCTHK tại Singapore                                                                 |
| 5   | Chi nhánh TCTHK tại Malaysia                                                                  |
| 6   | Chi nhánh TCTHK tại Myanmar                                                                   |
| 7   | Chi nhánh TCTHK tại Indonesia                                                                 |
| 8   | Chi nhánh TCTHK tại Trung Quốc                                                                |
| 9   | Chi nhánh TCTHK tại Nhật Bản                                                                  |
| 10  | Chi nhánh TCTHK tại Hàn Quốc                                                                  |
| 11  | Chi nhánh TCTHK tại Đài Loan                                                                  |
| 12  | Chi nhánh TCTHK tại Hồng Kông                                                                 |
| 13  | Chi nhánh TCTHK tại Pháp                                                                      |
| 14  | Chi nhánh TCTHK tại Đức                                                                       |
| 15  | Chi nhánh TCTHK tại Vương quốc Anh                                                            |
| 16  | Chi nhánh TCTHK tại Úc                                                                        |
| 17  | Chi nhánh TCTHK tại Mỹ                                                                        |
| 18  | Chi nhánh TCTHK tại Liên bang Nga                                                             |
| 19  | Chi nhánh TCTHK tại Ấn Độ                                                                     |
| 20  | Chi nhánh TCTHK tại Philippines ( <i>Quyết định thành lập có hiệu lực từ ngày 01/5/2025</i> ) |
| 21  | Chi nhánh TCTHK tại Ý ( <i>Quyết định thành lập có hiệu lực từ ngày 01/5/2025</i> )           |

### 3.3. Danh sách các công ty con (TCTHK nắm giữ trên 50% vốn điều lệ)

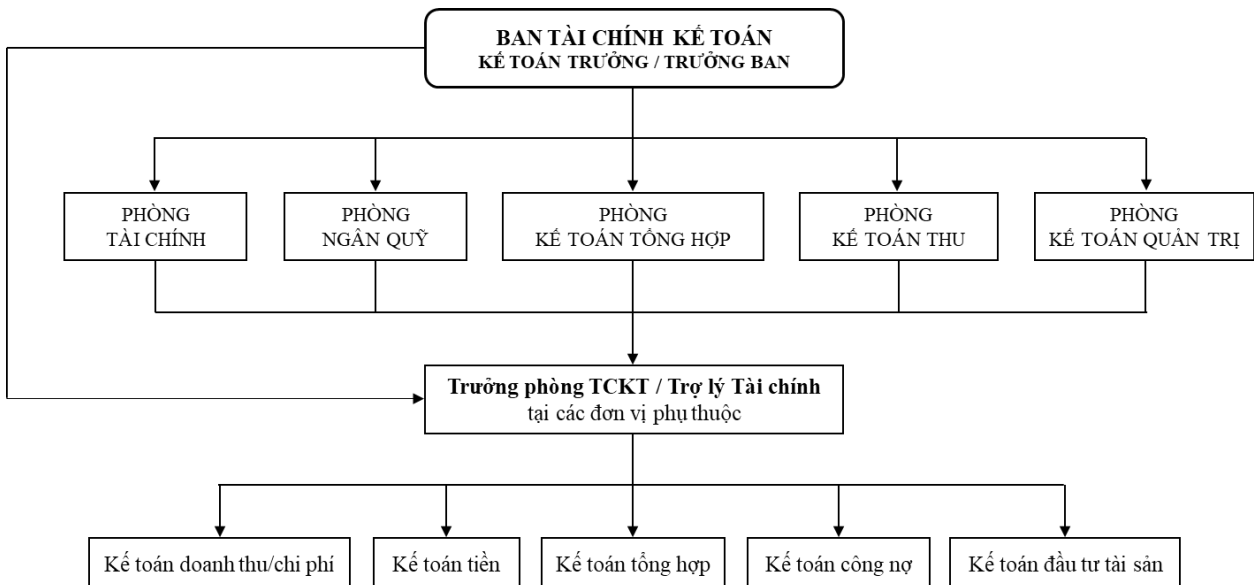
| STT | Tên công ty                                              | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|----------------------------------------------------------|--------------|
| 1   | Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO)                | 100%         |
| 2   | Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam (SKYPEC) | 100%         |
| 3   | Công ty TNHH MTV Suất ăn hàng không Việt Nam (VACS)      | 100%         |
| 4   | Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay (VIAGS)         | 100%         |
| 5   | CTCP Hàng không Pacific Airlines (PA)                    | 98,84%       |

| STT | Tên công ty                                                 | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|-------------------------------------------------------------|--------------|
| 6   | Công ty TNHH Giao nhận hàng hóa VINAKO (VINAKO)             | 65,05%       |
| 7   | CTCP Suất ăn hàng không Nội Bài (NCS)                       | 60,17%       |
| 8   | CTCP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài (NCTS)                        | 55,13%       |
| 9   | CTCP Dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất (TCS)                    | 55%          |
| 10  | CTCP Tin học Viễn thông Hàng không (AITS)                   | 52,73%       |
| 11  | CTCP Sabre Việt Nam (SABRE VN)                              | 51,69%       |
| 12  | CTCP Đào tạo Bay Việt (VFT)                                 | 51,52%       |
| 13  | CTCP Dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài (NASCO)             | 51%          |
| 14  | Công ty TNHH Dịch vụ giao nhận hàng hóa Tân Sơn Nhất (TECS) | 51%          |
| 15  | CTCP Cung ứng lao động Hàng không (ALSUCO)                  | 51%          |

**3.4. Danh sách các công ty liên kết và đầu tư khác (TCTHK nắm giữ nhỏ hơn hoặc bằng 50% vốn điều lệ)**

| STT | Tên công ty                                     | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|-------------------------------------------------|--------------|
| 1   | CTCP Xuất nhập khẩu hàng không (AIRIMEX)        | 41,31%       |
| 2   | CTCP Dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng (MASCO) | 36,11%       |
| 3   | CTCP Cho thuê máy bay Việt Nam (VALC)           | 32,48%       |
| 4   | CTCP Nhựa cao cấp hàng không (APLACO)           | 30,41%       |
| 5   | Hãng hàng không Cambodia Angkor Air (K6)        | 14,00%       |
| 6   | CTCP Bưu chính viễn thông Sài Gòn (SPT)         | 0,36%        |

**4. TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN CỦA DOANH NGHIỆP**



**PHẦN II. NỘI DUNG CỦA HỒ SƠ YÊU CẦU**

**1. YÊU CẦU VỀ SPDV**

NCC cần đáp ứng các yêu cầu về nội dung, danh mục, tiêu chuẩn SPDV, cụ thể như sau:

| STT | Nội dung công việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Sản phẩm dịch vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Yêu cầu về thời hạn cung cấp SPDV |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| 1   | <p>Phân tích, đánh giá tác động và ảnh hưởng của việc áp dụng IFRS đến TCT</p> <p>- Rà soát các chính sách và quy trình kế toán hiện hành tại TCT. Thu thập, phân tích các tài liệu, dữ liệu liên quan.</p> <p>- Xác định sự khác biệt giữa IFRS và VAS gắn với thực tiễn tại TCT.</p> <p>- Phân tích, đánh giá tác động và ảnh hưởng của việc áp dụng IFRS đến TCT liên quan đến BCTC, chỉ số tài chính, nhân sự, hệ thống công nghệ thông tin, nguồn dữ liệu,....</p> <p>- Xây dựng các công việc chi tiết cần triển khai khi áp dụng IFRS</p>                                                                                     | <p>- Báo cáo phân tích sự khác biệt giữa IFRS và VAS.</p> <p>- Báo cáo phân tích, đánh giá tác động và ảnh hưởng của việc áp dụng IFRS đến TCT liên quan đến BCTC, chỉ số tài chính, nhân sự, hệ thống công nghệ thông tin, nguồn dữ liệu,....</p> <p>- Báo cáo khuyến nghị các công việc chi tiết cần triển khai khi áp dụng IFRS.</p>                                                                                                                                                             | Quý 1/2026                        |
| 2   | <p>Lựa chọn chính sách và phương án triển khai áp dụng IFRS</p> <p>- Tổng hợp chính sách kế toán theo IFRS. Trình bày với Ban Lãnh đạo TCT ưu và nhược điểm của các chính sách kế toán, đưa khuyến nghị từ đó Ban Lãnh đạo TCT lựa chọn phương án phù hợp.</p> <p>- Xây dựng quy trình chuyển đổi, các mẫu biểu chuyển đổi, biểu mẫu thu thập và tổng hợp thông tin, mô hình tính toán, hệ thống tài khoản, sổ kế toán, biểu mẫu BCTC phù hợp với quy định của IFRS và các thông lệ quốc tế trong lĩnh vực hàng không</p> <p>- Xây dựng quy trình phối hợp để thu thập và tổng hợp thông tin cần thiết trong lập BCTC theo IFRS.</p> | <p>- Báo cáo rà soát, phân tích và khuyến nghị đối với dự thảo chính sách kế toán theo IFRS của TCT.</p> <p>- Báo cáo rà soát, phân tích và khuyến nghị đối với quy trình chuyển đổi, các mẫu biểu chuyển đổi, biểu mẫu thu thập và tổng hợp thông tin, mô hình tính toán, hệ thống tài khoản, sổ kế toán, biểu mẫu BCTC theo IFRS của TCT.</p> <p>- Báo cáo rà soát, phân tích và khuyến nghị đối với quy trình phối hợp để thu thập và tổng hợp thông tin cần thiết trong lập BCTC theo IFRS.</p> | Quý 2/2026                        |
| 3   | <p>Đào tạo và chuyển giao kiến thức</p> <p>- Tổ chức đào tạo về IFRS.</p> <p>- Hướng dẫn chi tiết phương pháp chuyển đổi và các công việc chi tiết cần triển khai khi áp dụng IFRS.</p> <p>- Chuyển giao các tài liệu liên quan</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <p>- Các chương trình đào tạo IFRS, trong đó bao gồm đối tượng, nội dung, thời lượng và thời gian thực hiện đào tạo.</p> <p>- Các tài liệu đào tạo.</p> <p>- Báo cáo kết quả các khóa đào tạo.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Thường xuyên                      |
| 4   | <p>Chuyển đổi và lập Báo cáo tài chính theo IFRS</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <p>- Báo cáo kết quả rà soát và khuyến nghị đối với bộ số liệu</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                   |

| STT | Nội dung công việc                                                                                                                                                                   | Sản phẩm dịch vụ                                                                                                                                                                                                                            | Yêu cầu về thời hạn cung cấp SPDV |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
|     | - Chuyển đổi số liệu từ VAS sang IFRS cho năm đầu tiên áp dụng IFRS của TCT ( <b>Số liệu năm 2025</b> ), bao gồm cả xác định số dư đầu kỳ và số liệu so sánh kỳ trước theo quy định. | tài chính, BCTC theo IFRS của TCT cho năm tài chính đầu tiên áp dụng IFRS <b>kết thúc ngày 31/12/2025, bao gồm cả số liệu so sánh kỳ trước (năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024) và số dư cho kỳ đầu chuyển đổi tại ngày 01/01/2024.</b> | Quý 3/2026                        |

Trong đó:

- Phạm vi công việc: áp dụng cho việc lập BCTC riêng của TCT.
- Thời gian thực hiện hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

## 2. YÊU CẦU VỀ TƯ CÁCH CỦA NCC

- 2.1. Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp được cấp bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam còn hiệu lực có ngành nghề kiểm toán, tư vấn.
- 2.2. Không có tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi hoặc vi phạm hợp đồng với TCTHK.
- 2.3. Không thuộc trường hợp bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo Luật Đấu thầu.
- 2.4. NCC tham gia chào giá với tư cách độc lập.
- 2.5. NCC đã thực hiện nghĩa vụ kê khai và nộp thuế năm 2024

## 3. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NCC

### 3.1. Thành phần của bộ HSDX

Bộ HSDX do NCC chuẩn bị bao gồm các tài liệu sau:

| STT | Tên tài liệu                                            | Tham chiếu    |
|-----|---------------------------------------------------------|---------------|
| 1   | Tài liệu chứng minh tư cách NCC, tính hợp lệ của HSDX   | Mục 4.1       |
| 2   | Tài liệu đánh giá về năng lực, kinh nghiệm              | Mục 4.2       |
| 3   | Tài liệu chứng minh NCC đạt yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật | Mục 4.3       |
| 4   | Đơn chào giá                                            | Mẫu số 1      |
| 5   | Giấy ủy quyền (nếu có)                                  | Mẫu số 2      |
| 6   | Văn bản cam kết của NCC                                 | Mẫu số 3      |
| 7   | Bảng kê khai năng lực tài chính của NCC                 | Mẫu số 4      |
| 8   | Báo cáo hợp đồng tương tự do NCC thực hiện              | Mẫu số 5      |
| 9   | Danh sách nhân sự và Lý lịch nhân sự                    | Mẫu số 6 và 7 |
| 10  | Dự thảo Hợp đồng của NCC                                |               |

### 3.2. Yêu cầu chào giá

- 3.2.1. NCC được yêu cầu chào giá theo **Đơn chào giá (Mẫu số 1)**. Đơn chào giá phải có chữ ký của người đại diện hợp pháp và đóng dấu hợp pháp của NCC.

- 3.2.2. Giá chào là giá do NCC nêu trong Biểu giá chào sau khi trừ Giá trị giảm giá hoặc Thu giảm giá (nếu có).
- 3.2.3. NCC chào giá theo Biểu giá chào có trong mẫu Đơn chào giá. Giá chào phải bao gồm toàn bộ chi phí để cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nêu tại Mục 1 Phần II của HSYC, cố định trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng. Thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng theo quy định của Nhà nước thời điểm thanh toán thực tế.
- 3.2.4. Thu giảm giá: Thu giảm giá phải đảm bảo TCTHK nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX. Trường hợp Thu giảm giá nộp cùng với HSDX thì NCC phải thông báo cho TCTHK trước thời điểm hết hạn nộp HSDX hoặc phải có bảng kê thành phần HSDX trong đó có Thu giảm giá. Thu giảm giá sẽ được đưa vào xác định giá tại bước xếp hạng NCC lần 1 theo quy định tại **Mục 4.4** và **Mục 4.5**.
- 3.2.5. Đồng tiền chào giá, đánh giá: Việt Nam Đồng (VND).
- 3.2.6. Điều kiện thanh toán: bằng chuyển khoản và theo tiến độ bàn giao SPDV.

### 3.3. Làm rõ HSYC

- Trong trường hợp cần làm rõ HSYC, NCC phải gửi đề nghị làm rõ bằng email, bảo đảm TCTHK nhận được trước tối thiểu 04 ngày làm việc trước thời hạn nộp HSDX quy định tại **Mục 3.4**.
- Nội dung làm rõ sẽ được TCTHK gửi bằng email tới tất cả các NCC đã nhận HSYC. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC, TCTHK sẽ gửi những nội dung sửa đổi đến tất cả các NCC đã nhận HSYC và đăng tải trên website của TCTHK không muộn hơn 03 ngày làm việc trước thời hạn nộp HSDX.

### 3.4. Nộp HSDX

#### 3.4.1. Thời hạn nộp HSDX và hiệu lực của HSDX

- Thời hạn nộp HSDX: **trước 11 h ngày 30 tháng 12 năm 2025**. HSDX bản gốc gửi đến sau thời hạn nộp HSDX là không hợp lệ và bị loại. Thu giảm giá gửi sau thời điểm nộp HSDX không có giá trị trong quá trình đánh giá.
- Hiệu lực của HSDX: **tối thiểu 90 ngày**, kể từ thời điểm hết hạn nộp HSDX.

#### 3.4.2. Quy cách HSDX:

- Bản gốc HSDX: phải đảm bảo có chữ ký của người đại diện hợp pháp và đóng dấu hợp pháp của NCC. Giấy ủy quyền (nếu có) cần tuân thủ theo **Mẫu số 2**.
- Bản scan HSDX: là bản sao từ bản gốc của HSDX được lưu trữ dưới dạng file PDF theo đường dẫn/link Driver có thể truy cập được.

#### 3.4.3. Ngôn ngữ của HSDX là tiếng Việt.

#### 3.4.4. Phương thức và địa chỉ nộp HSDX:

- NCC được yêu cầu **gửi 01 bản gốc HSDX** theo hình thức nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới địa chỉ:

Tổng công ty Hàng không Việt Nam

+ Địa chỉ: Tầng 5 Tòa nhà VN1, Số 200 phố Nguyễn Sơn, quận Long Biên, Hà Nội.

+ Người liên hệ: Bà Nguyễn Thu Hương, chuyên viên Ban Tài chính Kế toán.

Điện thoại: 024 38732732, máy lẻ: 2406; Di động: 0982434841.

- Hoặc, NCC **gửi bản scan HSDX** qua email tới địa chỉ: [huongnthu@vietnamairlines.com](mailto:huongnthu@vietnamairlines.com). Subject/Tiêu đề “Công ty ... nộp HSDX gói DV "Dịch vụ tư vấn triển khai áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) tại TCTHKVN giai đoạn T1/2026 – T12/2026”. Dung lượng tài liệu đính kèm thư điện tử yêu cầu < 20MB/01 email.

### 3.5. Làm rõ HSDX

- Trong quá trình đánh giá HSDX, TCTHK có thể yêu cầu NCC bổ sung, làm rõ nội dung của HSDX qua hình thức mời NCC đến làm việc trực tiếp hoặc thư điện tử với điều kiện không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp, không thay đổi giá chào.
- Tài liệu không được phép bổ sung: Đơn chào giá.
- Tài liệu được phép bổ sung:
  - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy đăng ký hoạt động;
  - + Giấy ủy quyền (Giấy ủy quyền được phép bổ sung là văn bản điều hành chung của NCC, không phải ủy quyền cá biệt);
  - + Các cam kết, tài liệu chứng minh tư cách, năng lực, kinh nghiệm và kỹ thuật của NCC.
- Hồ sơ làm rõ phải có chữ ký hoặc được gửi bởi người đại diện hợp pháp của NCC. Những tài liệu làm rõ được lưu coi như một phần của HSDX. Trường hợp NCC không làm rõ theo thời hạn thì nội dung yêu cầu làm rõ được TCTHK xem xét, xử lý theo quy định nội bộ của TCT và pháp luật hiện hành.
- Trong trường hợp xét thấy cần thiết, TCTHK có thể yêu cầu NCC gia hạn hiệu lực của HSDX. Nếu NCC từ chối việc gia hạn, HSDX sẽ không được xem xét đánh giá ở các bước tiếp theo.

### 3.6. Đánh giá HSDX

Việc đánh giá HSDX được thực hiện lần lượt theo các bước quy định tại **Mục 4**, theo đó NCC đáp ứng yêu cầu của bước trước thì mới được đưa vào đánh giá ở bước sau, bao gồm:

- Đánh giá tư cách NCC, tính hợp lệ của HSDX
- Đánh giá năng lực, kinh nghiệm
- Đánh giá về kỹ thuật
- Đánh giá tài chính
- Xếp hạng NCC
- Đàm phán với NCC và xếp hạng lại.

### 3.7. Đàm phán với NCC

- Trường hợp có 03 NCC trở lên đáp ứng yêu cầu về (i) Tính hợp lệ của HSDX, (ii) Năng lực, kinh nghiệm, (iii) Yêu cầu kỹ thuật và (iv) Giá chào nhỏ hơn hoặc bằng giá kế hoạch được duyệt, TCT sẽ mời 03 NCC xếp hạng cao nhất vào đàm phán.
- Trường hợp có ít hơn 03 NCC đáp ứng yêu cầu của HSYC, TCT sẽ đàm phán với tất cả các NCC đáp ứng yêu cầu.

### 3.8. Điều kiện NCC được lựa chọn

- NCC có tư cách và HSDX hợp lệ nêu tại **Mục 4.1**;
- Đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm nêu tại **Mục 4.2**;
- Đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật nêu tại **Mục 4.3**;

- Có tổng giá chào sau đàm phán (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí) thấp nhất và không vượt giá trị gói dịch vụ được phê duyệt.

### 3.9. Thông báo kết quả LCNCC

- Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả LCNCC, TCTHK gửi văn bản thông báo kết quả LCNCC đến tất cả các NCC tham gia nộp HSDX. Đối với NCC được lựa chọn, thông báo sẽ ghi rõ thời gian, địa điểm hoàn thiện hợp đồng.
- TCTHK có quyền chấp nhận hoặc từ chối bất kỳ HSDX nào hoặc hủy bỏ quá trình chào giá và từ chối tất cả các HSDX bất cứ thời điểm nào trước thời điểm thỏa thuận hợp đồng mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với NCC cũng như không cần giải thích lý do cho NCC. TCTHK sẽ thông báo cho NCC trong trường hợp hủy bỏ tất cả các HSDX hoặc hủy bỏ quá trình LCNCC.

### 3.10. Bảo mật thông tin

- Thông tin liên quan đến HSYC và việc đánh giá HSDX được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho bất kỳ cá nhân/tổ chức nào không có liên quan chính thức đến quá trình LCNCC.
- Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSYC, HSDX cho NCC khác.

## 4. CÁC BƯỚC ĐÁNH GIÁ HSDX

Việc đánh giá HSDX được TCTHK thực hiện theo trình tự như sau:

### 4.1. Đánh giá tư cách NCC, tính hợp lệ của HSDX:

| STT | Nội dung đánh giá                                                                                                                                                                                     | Mức độ đáp ứng |               | Tài liệu đánh giá                                                                                                                                                                                              |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                                                                       | Đạt            | Không đạt     |                                                                                                                                                                                                                |
| 1   | HSDX được nộp trước thời điểm hết hạn nộp HSDX                                                                                                                                                        | Đáp ứng        | Không đáp ứng | Thời hạn quy định tại Mục 3.4.1 của HSYC.                                                                                                                                                                      |
| 2   | HSDX được ký bởi người đại diện hợp pháp và đóng dấu hợp pháp của NCC                                                                                                                                 | Đáp ứng        | Không đáp ứng | Đơn chào giá và Giấy ủy quyền (nếu có)                                                                                                                                                                         |
| 3   | Đồng tiền chào giá là Việt Nam Đồng (VND)                                                                                                                                                             | Đáp ứng        | Không đáp ứng | Đơn chào giá                                                                                                                                                                                                   |
| 4   | Ngôn ngữ chào giá là tiếng Việt                                                                                                                                                                       | Đáp ứng        | Không đáp ứng | HSDX của NCC                                                                                                                                                                                                   |
| 5   | Hiệu lực của HSDX theo quy định tại Mục 3.4.1 của HSYC                                                                                                                                                | ≥ 90 ngày      | < 90 ngày     | Đơn chào giá                                                                                                                                                                                                   |
| 6   | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp <i>hoặc</i> Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp được cấp bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật còn hiệu lực có ngành nghề kiểm toán, tư vấn | Có             | Không         | Cung cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp <i>hoặc</i> Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật còn hiệu lực có ngành nghề kiểm toán, tư vấn. |
| 7   | Cam kết, bảo đảm đáp ứng tất cả các yêu cầu tại Mục 1 và Mục 2 Phần II của HSYC.                                                                                                                      | Đáp ứng        | Không đáp ứng | Văn bản cam kết của NCC theo Mẫu số 3; Tài liệu chứng minh NCC đã thực                                                                                                                                         |

| STT | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng |           | Tài liệu đánh giá                          |
|-----|-------------------|----------------|-----------|--------------------------------------------|
|     |                   | Đạt            | Không đạt |                                            |
|     |                   |                |           | hiện nghĩa vụ kê khai và nộp thuế năm 2024 |

HSDX sẽ bị loại nếu không đáp ứng một trong các nội dung về Tiêu chuẩn đánh giá quy định chi tiết tại **Mục 4.1** này. HSDX đáp ứng tất cả các nội dung nói trên sẽ được xem xét đánh giá năng lực, kinh nghiệm tại **Mục 4.2** dưới đây.

#### 4.2. Đánh giá năng lực, kinh nghiệm:

| STT | Các tiêu chí năng lực, kinh nghiệm                                                                                                                                                     | Mức độ đáp ứng |              | Tài liệu đánh giá                                                                      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                                                        | Đạt            | Không đạt    |                                                                                        |
| 1   | Lợi nhuận sau thuế của năm 2022, 2023, 2024 dương                                                                                                                                      | > 0 VND        | ≤ 0 VND      | Bản kê khai theo <b>Mẫu số 4</b> BCTC đã được kiểm toán (bản sao có xác nhận của NCC). |
| 2   | Thời gian hoạt động trong lĩnh vực kiểm toán và tư vấn tại Việt Nam                                                                                                                    | ≥ 15 năm       | < 15 năm     | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký hoạt động                       |
| 3   | Số lượng kiểm toán viên của NCC được chấp thuận kiểm toán đơn vị có lợi ích công chúng                                                                                                 | ≥ 30 người     | < 30 người   | Văn bản của UBCKNN                                                                     |
| 4   | Hợp đồng tư vấn lập BCTC theo IFRS hoặc kiểm toán BCTC theo IFRS đối với doanh nghiệp tại Việt Nam có vốn điều lệ > 5.000 tỷ VND (không bao gồm tổ chức tín dụng) trong 05 năm gần đây | ≥ 2 Hợp đồng   | < 2 Hợp đồng | Báo cáo theo <b>Mẫu số 5</b>                                                           |

HSDX sẽ bị loại nếu không đạt một trong các nội dung về tiêu chuẩn đánh giá quy định chi tiết tại **Mục 4.2** này. HSDX đáp ứng tất cả tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm sẽ được xem xét đánh giá về kỹ thuật theo **Mục 4.3** dưới đây.

#### 4.3. Đánh giá về kỹ thuật:

| STT | Nội dung yêu cầu                                                                                                                                                                                | Điểm tối đa | Thang điểm chi tiết | Điểm tối thiểu |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------|----------------|
| 1   | <b>Thành viên Ban giám đốc phụ trách</b> ( <i>chỉ chấm điểm khi có tên trong danh sách KTV được chấp thuận kiểm toán đơn vị có lợi ích công chúng</i> ).<br><i>Số lượng: tối thiểu 01 người</i> | 30          |                     |                |
| 1.1 | Số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kiểm toán/tư vấn tại Việt Nam                                                                                                                        | 5           |                     |                |
|     | - Dưới 15 năm                                                                                                                                                                                   |             | 0                   |                |
|     | - Từ 15 năm trở lên                                                                                                                                                                             |             | 5                   |                |
| 1.2 | Có chứng chỉ kế toán, kiểm toán quốc tế                                                                                                                                                         | 5           |                     |                |

| STT      | Nội dung yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Điểm tối đa | Thang điểm chi tiết | Điểm tối thiểu |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------|----------------|
|          | - Không có                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             | 0                   |                |
|          | - Có                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             | 5                   |                |
| 1.3      | Có kinh nghiệm với vai trò thành viên Ban giám đốc phụ trách trong các hợp đồng tư vấn lập BCTC theo IFRS hoặc thành viên Ban giám đốc phụ trách ký báo cáo kiểm toán về BCTC lập theo IFRS đối với doanh nghiệp tại Việt Nam có vốn điều lệ > 5.000 tỷ VND (không bao gồm tổ chức tín dụng) trong 05 năm gần đây | 10          |                     |                |
|          | < 2 Hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             | 0                   |                |
|          | ≥ 2 Hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             | 10                  |                |
| 1.4      | Kinh nghiệm tham gia tư vấn cho các cơ quan quản lý Nhà nước trong các dự án triển khai áp dụng IFRS tại Việt Nam trong 05 năm gần đây                                                                                                                                                                            | 5           |                     |                |
|          | - Không có                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             | 0                   |                |
|          | - Có                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             | 5                   |                |
| 1.5      | Đã ký báo cáo kiểm toán BCTC năm lập theo VAS (không phân biệt báo cáo hợp nhất hay báo cáo riêng) của Hãng hàng không tại Việt Nam với vai trò là thành viên Ban Giám đốc là người đại diện theo pháp luật phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán                                                                     | 5           |                     |                |
|          | - Không có                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             | 0                   |                |
|          | - Có                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             | 5                   |                |
| <b>2</b> | <b>Tư vấn trưởng</b> (chỉ chấm điểm khi có tên trong danh sách KTV được chấp thuận kiểm toán đơn vị có lợi ích công chúng).<br>Số lượng: tối thiểu 01 người                                                                                                                                                       | <b>40</b>   |                     |                |
| 2.1      | Số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kiểm toán/tư vấn tại Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                          | 5           |                     |                |
|          | - Dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |             | 0                   |                |
|          | - Từ 10 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             | 5                   |                |
| 2.2      | Có chứng chỉ kiểm toán/kế toán quốc tế                                                                                                                                                                                                                                                                            | 10          |                     |                |
|          | - Không có                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             | 0                   |                |
|          | - Có                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             | 10                  |                |
| 2.3      | Có kinh nghiệm tham gia trong các hợp đồng tư vấn lập BCTC theo IFRS hoặc ký báo cáo kiểm toán về BCTC lập theo IFRS đối với doanh nghiệp tại Việt Nam có vốn điều lệ > 5.000 tỷ VND (không bao gồm tổ chức tín dụng) trong 05 năm gần đây                                                                        | 10          |                     |                |
|          | < 2 Hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             | 0                   |                |
|          | ≥ 2 Hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             | 10                  |                |

| STT      | Nội dung yêu cầu                                                                                                                                                | Điểm tối đa | Thang điểm chi tiết | Điểm tối thiểu |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------|----------------|
| 2.4      | Kinh nghiệm tham gia tư vấn cho các cơ quan quản lý Nhà nước trong các dự án triển khai áp dụng IFRS tại Việt Nam trong 05 năm gần đây                          | 10          |                     |                |
|          | - Không có                                                                                                                                                      |             | 0                   |                |
|          | - Có                                                                                                                                                            |             | 10                  |                |
| 2.5      | Có kinh nghiệm kiểm toán hoặc tư vấn Hãng hàng không                                                                                                            | 5           |                     |                |
|          | - Không có                                                                                                                                                      |             | 0                   |                |
|          | - Có                                                                                                                                                            |             | 5                   |                |
| <b>3</b> | <b>Chuyên gia tư vấn</b> (chỉ chấm điểm khi có tên trong danh sách KTV được chấp thuận kiểm toán đơn vị có lợi ích công chúng).<br>Số lượng: Tối thiểu 03 người | <b>30</b>   |                     |                |
| 3.1      | Số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kiểm toán/tư vấn tại Việt Nam                                                                                        | 10          |                     |                |
|          | - Dưới 5 năm                                                                                                                                                    |             | 0                   |                |
|          | - Từ 5 năm trở lên                                                                                                                                              |             | 10                  |                |
| 3.2      | Có kinh nghiệm tham gia trong các hợp đồng tư vấn lập BCTC theo IFRS hoặc hợp đồng kiểm toán về BCTC lập theo IFRS                                              | 10          |                     |                |
|          | - Ít hơn 03 người                                                                                                                                               |             | 0                   |                |
|          | - Từ 03 người trở lên                                                                                                                                           |             | 10                  |                |
| 3.3      | Có kinh nghiệm kiểm toán hoặc tư vấn Hãng hàng không                                                                                                            | 10          |                     |                |
|          | - Ít hơn 03 người                                                                                                                                               |             | 0                   |                |
|          | - Từ 03 người trở lên                                                                                                                                           |             | 10                  |                |
|          | <b>Tổng điểm (1 + 2 + 3)</b>                                                                                                                                    | <b>100</b>  |                     | <b>70</b>      |

Trường hợp nhân sự đề xuất không đáp ứng yêu cầu, TCTHK sẽ yêu cầu NCC bổ sung hoặc thay thế nhân sự phù hợp và điểm sẽ được chấm theo nhân sự mà NCC đề xuất cuối cùng. HSDX vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật khi có tổng điểm **tối thiểu là 70 điểm**. Chỉ những HSDX vượt qua vòng đánh giá về kỹ thuật mới được đưa vào đánh giá tài chính theo Mục 4.4 dưới đây.

#### 4.4. Đánh giá tài chính

- TCTHK xác định giá chào sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) theo yêu cầu của HSYC và trừ đi giá trị giảm giá trong Thư giảm giá (nếu có) để tiến hành so sánh.
- TCTHK sẽ xếp hạng NCC có giá chào (sau sửa lỗi, hiệu chỉnh, giảm giá - nếu có) theo thứ tự từ thấp đến cao.
- HSDX của NCC vượt qua bước này khi có giá chào (sau sửa lỗi, hiệu chỉnh, giảm giá - nếu có) thấp hơn hoặc bằng giá kế hoạch do Cấp có thẩm quyền của TCTHK phê duyệt.

#### 4.5. Xếp hạng NCC

HSDX đáp ứng về tư cách NCC, năng lực kinh nghiệm, kỹ thuật và có giá chào thấp nhất được

xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp NCC có giá chào bằng nhau thì NCC có điều kiện thương mại tốt hơn sẽ được xếp hạng cao hơn.

#### **4.6. Đàm phán với NCC và xếp hạng lại**

NCC đáp ứng điều kiện sau sẽ được xem xét mời vào đàm phán để giảm giá và đạt được các điều kiện về kỹ thuật, thương mại và các nội dung khác có lợi hơn cho TCTHK: (i) Tính hợp lệ HSDX; (ii) Năng lực, kinh nghiệm; (iii) Yêu cầu về kỹ thuật; và (iv) Giá chào nhỏ hơn hoặc bằng giá trị kế hoạch được phê duyệt của gói dịch vụ.

Việc đàm phán dựa trên các cơ sở sau đây:

- HSDX và các tài liệu làm rõ HSDX (nếu có) của NCC;
- HSYC.
- Nội dung đàm phán bao gồm nhưng không giới hạn về: giảm giá, các điều kiện tốt hơn về kỹ thuật, thương mại.
- Các tài liệu khác liên quan.
- TCTHK xếp hạng lại các NCC trên cơ sở kết quả đàm phán.

Quy trình thực hiện đàm phán như sau:

- TCTHK gửi yêu cầu đàm phán đến các NCC đáp ứng điều kiện đàm phán. Yêu cầu đàm phán quy định cụ thể thời gian gửi/nộp hồ sơ đàm phán (**HSDP**), hình thức gửi/nộp HSDP, hiệu lực của HSDP, các nội dung yêu cầu đàm phán và nội dung khác liên quan (nếu cần);
- HSDP phải có chữ ký của Cấp có thẩm quyền, được đóng dấu (nếu có);
- NCC phải đảm bảo TCTHK nhận được HSDP trước thời điểm hết hạn nộp HSDP. HSDP của NCC phải được đóng kín, đóng dấu niêm phong (nếu có) và gửi đến TCTHK theo hình thức gửi trực tiếp *hoặc* gửi qua đường bưu điện nhưng phải đảm bảo tính bảo mật. Trường hợp NCC gửi HSDP bằng nhiều hình thức hợp lệ và đều đến trước thời điểm hết hạn nộp HSDP, TCTHK mở và đánh giá HSDP hợp lệ được gửi đến sau cùng. HSDP nộp muộn sẽ không được mở để đưa vào đánh giá, xem xét./.

**Mẫu số 1**

**ĐƠN CHÀO GIÁ**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm 2025

Kính gửi: Tổng công ty Hàng không Việt Nam (TCTHK)

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu (HSYC) và văn bản sửa đổi HSYC số \_\_\_\_ [Ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có] của TCTHK, chúng tôi, \_\_\_\_ [Ghi tên NCC], cam kết thực hiện Gói dịch vụ “Tư vấn triển khai áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) tại Tổng công ty HKVN” theo đúng yêu cầu của HSYC và với nội dung cung cấp dịch vụ như sau:

**1. Biểu giá chào:**

Đơn vị tính: VND

| Nội dung                                                                                   | Phí dịch vụ (chưa có VAT) | VAT (8%) | Tổng phí dịch vụ (đã bao gồm VAT) |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------|-----------------------------------|
| Tư vấn triển khai áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) tại Tổng công ty HKVN |                           |          |                                   |

**2. Giá trị giảm giá (nếu có).**

**3. Điều kiện thanh toán:** bằng chuyển khoản và theo tiến độ bàn giao SPDV.

Trường hợp HSĐX của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp dịch vụ theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng và nội dung liên quan của HSĐX.

HSĐX này có hiệu lực trong thời gian 90 ngày, kể từ \_\_\_\_ giờ, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ [Ghi thời điểm hết hạn nộp HSĐX].

**Đại diện hợp pháp của NCC <sup>(1)</sup>**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của NCC ủy quyền cho cấp dưới ký Đơn chào giá thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2. Trường hợp tại Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký Đơn chào giá thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2). Trước khi ký kết hợp đồng, NCC trúng chào giá phải trình TCTHK bản chụp được chứng thực từ bản chính của các văn bản, tài liệu này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì HSĐX của NCC sẽ không đạt. NCC chào giá theo Mẫu số 1 này. Trường hợp giá chào của NCC có nội dung ngoài các nội dung yêu cầu tại Mẫu số 1 này, TCTHK sẽ thực hiện hiệu chỉnh sai lệch (nếu có).

**GIẤY ỦY QUYỀN<sup>(1)</sup>**

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ [*Ghi tên, số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của NCC*], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ [*Ghi tên NCC*] có địa chỉ tại \_\_\_\_ [*Ghi địa chỉ của NCC*] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_\_ [*Ghi tên, số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào giá **Gói dịch vụ “*Tư vấn triển khai áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) tại Tổng công ty HKVN*”** do TCTHK tổ chức:

*[- Ký Đơn chào giá;*

*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với TCTHK trong quá trình tham gia chào giá, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSDX;*

*- Tham gia đàm phán, quyết định các nội dung đàm phán với TCTHK;*

*- Tham gia quá trình thương thảo và hoàn thiện hợp đồng;*

*- Ký kết hợp đồng với TCTHK nếu được lựa chọn.]<sup>(2)</sup>*

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [*Ghi tên NCC*]. \_\_\_\_ [*Ghi tên NCC*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>.

Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu  
(nếu có)]*

**Người ủy quyền**

*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của  
NCC, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc Giấy ủy quyền phải được gửi cho TCTHK cùng với Đơn chào giá. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của NCC cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của NCC để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của NCC dịch thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của NCC hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền do người ủy quyền quyết định, gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của Giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia Chào giá.

**VĂN BẢN CAM KẾT CỦA NCC**

Tên NCC: \_\_\_\_\_ [*Ghi tên đầy đủ của NCC*]

Địa chỉ :

Sau khi nghiên cứu kỹ HSYC Gói dịch vụ “*Tư vấn triển khai áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) tại Tổng công ty HKVN giai đoạn T1/2026 – T12/2026*” và căn cứ trên các sản phẩm/dịch vụ chào cho TCTHK, chúng tôi cam kết:

| STT | Nội dung cam kết                                                                                                                                                | Cam kết<br>(Cam kết/ Không cam kết) |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 1   | NCC cam kết và bảo đảm đáp ứng tất cả các <b>Yêu về nội dung, danh mục, tiêu chuẩn SPDV</b> cung cấp cho TCTHK theo yêu cầu tại <b>Mục 1, Phần II</b> của HSYC. |                                     |
| 2   | Không có tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi hoặc vi phạm hợp đồng với TCTHK.                                                                            |                                     |
| 3   | Không thuộc trường hợp bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo Luật Đấu thầu.                                                                                   |                                     |
| 4   | NCC tham gia chào giá với tư cách độc lập.                                                                                                                      |                                     |
| 5   | NCC đã thực hiện nghĩa vụ kê khai và nộp thuế năm 2024                                                                                                          |                                     |

..., ngày ... tháng ... năm ...

**Đại diện hợp pháp của NCC**

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

**Ghi chú:**

Khi nhận được HSYC chào giá này, NCC phải nghiên cứu, tìm hiểu và nắm rõ tất cả các nội dung yêu cầu của TCTHK đã đề cập và trình bày tại HSYC chào giá để cân nhắc và tự quyết định đưa ra cam kết cho các nội dung nêu trên.

Trường hợp NCC không cam kết 01 trong các nội dung trên, HSDX của NCC được đánh giá là “Không Đạt” sẽ bị loại.

**BẢN KÊ KHAI NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NCC**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

1. Tên NCC: \_\_\_\_\_ [Ghi tên đầy đủ của NCC]

Địa chỉ :

2. Tóm tắt các số liệu về tài chính trong 03 năm tài chính gần đây:

*Đơn vị tính: VND*

| STT | Nội dung           | Năm 20... | Năm 20... | Năm 20... |
|-----|--------------------|-----------|-----------|-----------|
| 1   | Lợi nhuận sau thuế |           |           |           |

3. Tài liệu gửi đính kèm để đối chứng với các số liệu kê khai: NCC nộp BCTC của 03 năm gần nhất đã được kiểm toán (bản sao có xác nhận của NCC).

**Đại diện hợp pháp của NCC**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**BÁO CÁO HỢP ĐỒNG TỰ DO NCC THỰC HIỆN**

**Về cung cấp dịch vụ tư vấn lập BCTC theo IFRS hoặc**

**kiểm toán BCTC theo IFRS trong 03 năm gần đây**

Tên NCC: \_\_\_\_\_

| STT                                                                                                                                                                           | Tên và số hợp đồng | Tên công việc | Ngày ký hợp đồng | Giá trị hợp đồng | Tên đối tác ký hợp đồng | Vốn điều lệ của đối tác | Thời gian thực hiện hợp đồng (từ ngày...đến ngày...) |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------|------------------|------------------|-------------------------|-------------------------|------------------------------------------------------|
| <b>Các hợp đồng tương tự do NCC tư vấn lập BCTC theo IFRS hoặc kiểm toán BCTC theo IFRS đối với DN tại Việt Nam có VDL &gt; 5.000 tỷ VND (không bao gồm tổ chức tín dụng)</b> |                    |               |                  |                  |                         |                         |                                                      |
| 1                                                                                                                                                                             |                    |               |                  |                  |                         |                         |                                                      |
| 2                                                                                                                                                                             |                    |               |                  |                  |                         |                         |                                                      |
| 3                                                                                                                                                                             |                    |               |                  |                  |                         |                         |                                                      |
| ...                                                                                                                                                                           |                    |               |                  |                  |                         |                         |                                                      |

Tài liệu gửi đính kèm: NCC nộp hợp đồng và các biên bản nghiệm thu, quyết toán, bàn giao sản phẩm liên quan (nếu có) (bản sao có xác nhận của NCC).

NCC cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin cung cấp nêu trên./.

**Đại diện hợp pháp của NCC**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**DANH SÁCH NHÂN SỰ**

| STT        | Họ và Tên                                | Chức danh                    | Bằng cấp, chứng chỉ |
|------------|------------------------------------------|------------------------------|---------------------|
| <b>I</b>   | <b>Thành viên Ban giám đốc phụ trách</b> |                              |                     |
|            | <i>[Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A]</i>         | Trưởng đoàn                  |                     |
|            | <i>Chức danh làm việc tại NCC</i>        |                              |                     |
|            |                                          |                              |                     |
| <b>II</b>  | <b>Tư vấn trưởng</b>                     |                              |                     |
|            | <i>[Ví dụ: Ông Nguyễn Văn B]</i>         | Tư vấn trưởng                |                     |
|            | <i>Chức danh làm việc tại NCC</i>        |                              |                     |
|            |                                          |                              |                     |
| <b>III</b> | <b>Chuyên gia tư vấn</b>                 |                              |                     |
| 1          | <i>[Ví dụ: Ông Nguyễn Văn C]</i>         | Chuyên gia tư vấn thuế       |                     |
|            | <i>Chức danh làm việc tại NCC</i>        |                              |                     |
| 2          | <i>[Ví dụ: Ông Nguyễn Văn D]</i>         | Chuyên gia định giá          |                     |
|            | <i>Chức danh làm việc tại NCC</i>        |                              |                     |
| 3          | <i>[Ví dụ: Ông Nguyễn Văn E]</i>         | Chuyên gia tư vấn hàng không |                     |
|            | <i>Chức danh làm việc tại NCC</i>        |                              |                     |
|            | ...                                      | ...                          |                     |

**Đại diện hợp pháp của NCC**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**LÝ LỊCH NHÂN SỰ**

Vị trí dự kiến đảm nhiệm: \_\_\_\_\_

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Họ tên nhân sự: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_

Nghề nghiệp: \_\_\_\_\_

Thời gian làm việc trong các tổ chức kiểm toán \_\_\_\_\_

Tham gia tổ chức nghề nghiệp: \_\_\_\_\_

Thông tin khác:

| <b>Cơ quan đơn vị công tác hiện nay</b> | <b>Thông tin tham chiếu</b>                                                           | <b>Vị trí công việc đảm nhận trong HSDX</b> |
|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|
| .....                                   | <i>(nêu tên, điện thoại, email của người được tham chiếu để kiểm chứng thông tin)</i> | .....                                       |

Kinh nghiệm, bằng cấp chứng chỉ:

| <b>Kinh nghiệm thực hiện những công việc, nhiệm vụ liên quan trước đây để chứng minh khả năng thực hiện công việc, nhiệm vụ được phân công</b>                         | <b>Bằng cấp, chứng chỉ</b>                                  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| <i>(kèm theo tài liệu chứng minh công việc, nhiệm vụ đã thực hiện ở các gói dịch vụ khác, hoặc văn bản xác nhận tham gia tư vấn dự án từ cơ quan quản lý Nhà nước)</i> | <i>(kèm theo bản sao có chứng thực bằng cấp, chứng chỉ)</i> |

Thông tin liên hệ:

*[Nêu rõ tên, số điện thoại, e-mail của người cần liên hệ để đối chiếu thông tin]*

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm 2025

**Người khai**

*[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]*